

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng 9 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm

Thực hiện Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII - Kỳ họp thứ Bảy về thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã An Khê về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019,

Thực hiện văn bản số 1848/UBND-KTTH ngày 26/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo tình hình công tác 9 tháng đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân báo cáo các nội dung như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH – QUỐC PHÒNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. Kết quả thực hiện

1. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế

Tổng giá trị sản xuất (tính theo giá SS 2010) ước thực hiện 9 tháng đầu năm là 5.358,49 tỷ đồng, đạt 75,12% kế hoạch, tăng 13,12% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

- Công nghiệp - Xây dựng ước đạt 2.583,47 tỷ đồng, đạt 75,4% kế hoạch, tăng 7,41% so với cùng kỳ năm 2018,

- Thương mại - dịch vụ ước đạt 2.245,05 tỷ đồng, đạt 73,58% kế hoạch, tăng 20,61% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nông - lâm - thủy sản 529,97 tỷ đồng, đạt 80,77% kế hoạch, tăng 12,73% so với cùng kỳ năm 2018

2. Về thu – chi NSNN

- Tổng thu ngân sách nhà nước (đến ngày 31 tháng 8) đạt 74,477 tỷ đồng, đạt 80,89% dự toán 2019; tăng 36,44% so với cùng kỳ năm 2018.

- Chi ngân sách (đến ngày 31 tháng 8) là 173,418 tỷ đồng, đạt 58,15% dự toán 2019; tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2018.

3. Về tình hình sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

3.1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tính theo giá hiện hành dự ước 842,65 tỷ đồng, theo giá so sánh 2010 là 529,97 tỷ đồng đạt 80,77%KH, tăng 12,73 % so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng diện tích gieo trồng trên toàn địa bàn thị xã là 9.155 ha, đạt 95,55% KH gieo trồng cả năm¹. Thời tiết trong vụ Đông Xuân 2018-2019 và vụ Mùa đều không thuận lợi, làm thiệt hại 41,98 ha cây trồng các loại trong vụ Đông Xuân (trong đó lúa 2 vụ thiệt hại 20,19 ha, lúa tăng vụ 8,39 ha, ngô lai 13,3 ha), vụ Mùa thiệt hại 3.438,7 ha cây trồng các loại. Tình hình sâu bệnh đối với cây trồng ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động áp dụng các biện pháp phòng trừ tổng hợp nên đã hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra. Trong vụ Mùa 2019 đã xuất hiện bệnh khảm lá virus hại sắn² tại xã Thành An, cơ quan chức năng đã thực hiện tuyên truyền và hướng dẫn cho bà con nông dân thực hiện phòng, trừ bệnh khảm.

- Tổng đàn vật nuôi có chiều hướng giảm dần, nguyên nhân chủ yếu do tình hình dịch Tả lợn Châu Phi xuất hiện trên địa bàn thị xã (phường An Bình, phường Ngô Mây và xã Xuân An; 07 hộ có lợn mắc bệnh và tiêu hủy với 1.039 con, trọng lượng 51.761 kg). UBND thị xã đã ban hành Quyết định công bố Dịch tả lợn Châu Phi tại phường An Bình, phường Ngô Mây, xã Xuân An và thành lập 13 chốt kiểm dịch tạm thời tại phường An Bình, xã Thành An, phường Ngô Mây, phường An Tân, xã Cửu An, xã Tú An để phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Tổng đàn vật nuôi ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2019, đàn trâu có 431 con, bằng 87,96%KH, tăng 27,51% so với cùng kỳ; đàn bò có 13.849 con, bằng 88,78%KH, giảm 8,83% so với cùng kỳ; đàn heo có 11.800 con, đạt 62,11% KH, giảm 34,31% so với cùng kỳ năm 2018. Hiện tại, trên địa bàn thị xã không có trang trại chăn nuôi quy mô lớn³. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng cũng tăng cường tuyên truyền, khuyến khích nông dân mở rộng quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, hình thành trang trại vừa và nhỏ mang lại giá trị kinh tế cao cho người sản xuất. Công tác phòng, chống dịch bệnh, giám sát chăn nuôi, hướng dẫn và tư vấn chăm sóc vật nuôi tiếp tục được giám sát chặt chẽ. Trong đó, đặc biệt chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh lở mồm long móng, dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn. Trên địa bàn không có ổ dịch bệnh nào xảy ra, các dịch bệnh thông thường được can thiệp kịp thời. Trong kỳ, đã triển khai công tác tiêm phòng vắc xin LMLM trâu bò lần 1, đợt 1/2019 với 5.850 liều vắc xin LMLM trâu bò. Triển khai xong tháng tiêu độc, khử trùng môi trường đợt 3, 4, 5, 6 (từ ngày 05/6 đến ngày 25/8). Số lượng hóa chất Benkocid triển khai 763 lít, 10 tấn vôi bột. Tiếp tục phân bổ hóa chất benkocid, vôi bột phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi

¹ Cây lương thực có hạt: 1.106ha, đạt 70,49% KH, giảm 15,18% so với cùng kỳ 2018; cây tinh bột có củ: 2.550 ha, đạt 107,14% KH, tăng 15,91% so với cùng kỳ 2018; cây thực phẩm: 1.853 ha, đạt 93,87 % KH, giảm 2,58% so với cùng kỳ 2018; cây CN ngắn ngày: 2.816 ha, đạt 101,37%KH, tăng 2,07% so với cùng kỳ 2018; cây hoa màu khác (ớt, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...): 580ha, đạt 100%KH, tăng 34,57% so với cùng kỳ 2018; cây ăn quả, cây dược liệu: 250 ha, đạt 83,33% KH, tăng 657,89% so với cùng kỳ 2018.

² Đến ngày 07/6/2019 tổ chức kiểm tra toàn địa bàn thị xã, đã phát hiện 19,4ha sắn bị nhiễm bệnh khảm. Trong đó nhiễm nhẹ 16,43ha, nhiễm trung bình 2,97ha.

³ Trên địa bàn không có trang trại nuôi bò ; Số gia trại nuôi heo là 18 gia trại (Nuôi trên 100 con heo); Số trang trại nuôi heo là 01 trại nuôi heo gia công cho Công ty CP với tổng đàn 1.200 con, tổ 2 - P. An Phước.

cho các địa phương với kế hoạch 156 lít hóa chất Benkocid, 20 tấn vôi. Thời gian triển khai từ ngày 22/8 đến 15/9/2019. Thường xuyên triển khai công tác kiểm soát giết mổ tại 04 chợ gồm: chợ Đồn, chợ An Xuyên, chợ Trung Tâm, chợ Đồng Găng.

- Các ngành chức năng thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng nhân dân tham gia quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR)⁴. Đôn đốc các địa phương, các đơn vị chủ rừng, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR trong mùa khô năm 2019. Từ đầu năm đến nay, không để xảy ra vụ cháy rừng nào gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo triển khai động bộ, tăng cường tuyên truyền, vận động đẩy mạnh phong trào trồng cây phân tán trên địa bàn năm 2019. Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 182,09 ha diện tích rừng phòng hộ, 402,21 ha diện tích rừng tự nhiên, 3.856,96 ha diện tích rừng trồng.

- Công tác thủy lợi được tăng cường. Các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra, rà soát các công trình thủy lợi để có kế hoạch tu sửa phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo tưới nước đến tận mặt ruộng. Trên địa bàn thị xã hiện nay có khoảng 520 ha mặt nước sản xuất thủy sản (trong đó, diện tích nuôi trồng là 40ha, diện tích khai thác tự nhiên khoảng 480 ha); sản lượng thủy sản trên địa bàn ước 9 tháng đầu năm đạt 68 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 65 tấn. Trên địa bàn không xảy ra bệnh trên thủy sản nước ngọt.

3.2. Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

Giá trị sản lượng công nghiệp – xây dựng ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2019, theo giá so sánh 2010 là 1.827 tỷ đồng, đạt 65,03 %KH, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2018. Theo giá hiện hành là ước 2.574,278 tỷ đồng⁵.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh duy trì hoạt động thường xuyên, ổn định; những sản phẩm chủ yếu góp phần quyết định tăng tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã như đường tinh, mật rỉ, điện sản xuất, điện thương phẩm (điều chỉnh tăng giá điện 8,36% kể từ ngày 20/3/2019 theo Quyết định 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công Thương), ván sợi cứng MDF, tinh bột sắn, nước máy thương phẩm và hoạt động của hộ kinh doanh cá thể... Hiện tại, Nhà máy đường An Khê đang nghỉ vụ sản xuất 2018-2019.

Trong 9 tháng đầu năm, sản lượng các ngành tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2018: tinh bột sắn ước đạt 30.607,63 tấn, tăng 55,7% so với cùng kỳ năm 2018; nước sinh hoạt ước đạt 970.000 m³, tăng 50,23% so với cùng kỳ năm 2018; Riêng mặt hàng đường tinh và điện sản xuất của Nhà máy đường

⁴ Hạt kiểm lâm thị xã phối hợp với các cấp, ngành tổ chức tuyên truyền 08 đợt tại 08 thôn, làng của 04 xã Song An, Cửu An, Tú An, Xuân An với 757 lượt người tham gia.

⁵ Trong đó: Doanh nghiệp Nhà nước (điện lực An Khê) ước 114,781 tỷ đồng, đạt 78,74% kế hoạch năm 2019, tăng 21,45% so với cùng kỳ năm 2018; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh ước 1.969,291 tỷ đồng, đạt 52,37% kế hoạch năm 2019, giảm 30,16% so với cùng kỳ năm 2018; hộ kinh doanh cá thể ước 490,206 tỷ đồng, đạt 98,66% kế hoạch năm 2019, tăng 48,80% so với cùng kỳ năm 2018.

giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2018 (đường tình giảm 42,77%; điện sản xuất giảm 52,11% so với cùng kỳ năm 2018).

3.3. Về thương mại, dịch vụ

- Ngành thương mại, dịch vụ phát triển khá nhanh. Giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) ước 9 tháng đầu năm đạt 3.327,54 tỷ đồng, bằng 83,07%KH, tăng 19,03% so với cùng kỳ 2018.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn trung bình (theo giá hiện hành) ước 9 tháng là 3.158,19 tỷ đồng, bằng 83,11%KH, tăng 27,51% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nhìn chung, công tác vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách được duy trì thực hiện, đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại và giao thông buôn bán của nhân dân, đặc biệt trong những đợt cao điểm như dịp Tết Nguyên đán, kỳ lễ 30/4-01/5, 02/9 và dịp hè.

+ Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách tăng so cùng kỳ năm trước. Vận chuyển hàng hóa đạt 160.6820 tấn, tăng 11,93% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hành khách đạt 136.498 hành khách, tăng 17,82% so với cùng kỳ năm trước.

+ Công tác quản lý nhà nước về giao thông, vận tải cũng được tăng cường. Các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm gây mất trật tự an toàn giao thông.

- Thông tin, truyền thông: Mạng lưới bưu chính viễn thông được hiện đại hóa, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đảm bảo thông tin thông suốt phục vụ mọi nhu cầu thông tin liên lạc của địa phương. Hiện nay, toàn thị xã có 4/5 bưu điện văn hóa xã có mạng Internet phục vụ các nhu cầu của nhân dân; chất lượng và phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100% trên toàn địa bàn thị xã. Thị xã đã triển khai thực hiện thuê dịch vụ hạ tầng Wifi công cộng⁶, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã và hệ thống thông tin nội bộ qua hình thức tin nhắn.

- Du lịch:

+ Thị xã đã quyết liệt triển khai Kế hoạch phát triển du lịch năm 2019; Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với di tích lịch sử - văn hóa Tây Sơn Thượng đạo giai đoạn 2017-2020: Xây dựng một số hạng mục thuộc Khu di tích Tây Sơn Thượng Đạo (hàng rào khu di tích, nâng cấp Nhà bảo tàng, trang bị tủ chuyên dụng trưng bày hiện vật đá cũ,...), di tích Đá Cũ Rộc Tung (đường vào di tích Rộc Tung, Rộc Tung 4, hệ thống bảng chỉ dẫn, giới thiệu về sơ kỳ đá cũ An Khê; hệ thống hình ảnh, tư liệu hiện vật và các hoạt động khai quật khảo cổ học tại An Khê,... phục vụ Hội thảo và khách tham quan).

+ Hiện nay, thị xã đã hoàn thành hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích

⁶ Khu vực Tây Sơn Thượng đạo: 01 thiết bị; Khu vực Hội trường 23/03: 01 thiết bị; Khu vực Ao cá Bác Hồ: 01 thiết bị; Công viên Quang Trung: 01 thiết bị.

cấp tỉnh của 03 di tích: Đình, miếu Tân Lai; Đình Tân An; Miếu Thanh Minh, tổ chức Hội nghị lấy ý kiến hoàn thiện hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích văn hóa cấp tỉnh; thực hiện đề xuất lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với di tích Tây Sơn Nhị - Cũ An và đình Cũ Định, phường An Phước.

+ Trong 9 tháng, thực hiện tổ chức "Tuần lễ sơ kỳ Đá Cũ An Khê" tại Bảo tàng Tây Sơn Thượng Đạo và khu di tích khảo cổ Rộc Tung. Đón tiếp 28 đoàn với 1.600 lượt khách tham quan; mở cửa Nhà Bảo tàng Tây Sơn Thượng Đạo và Khu di tích khảo cổ Rộc Tung, đón tiếp 141 đoàn với 9.604 lượt người đến tham quan, tìm hiểu di tích.

4. Về đầu tư phát triển, quản lý đô thị

- Vốn đầu tư toàn xã hội ước 9 tháng đầu năm là 1.400 tỷ đồng, đạt 80 %KH, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư mới và cải tạo nâng cấp tương đối đồng bộ.

- Tổng giá trị thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước (đến ngày 10/9/2019) là 63.364,4 triệu đồng. Tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư phát triển do thị xã quản lý (đến ngày 10/9/2019) là 55.083 triệu đồng, đạt 62,6% kế hoạch vốn. Các cơ quan chức năng cũng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công năm 2019.

- Tập trung công tác quy hoạch, quản lý đô thị. Đẩy nhanh tiến độ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã An Khê đến năm 2035.

- Công tác chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, hệ thống giao thông và kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị từng bước được đầu tư mới và cải tạo nâng cấp theo hướng đồng bộ; hệ thống thoát nước, vỉa hè cây xanh, điện, đường và hoạt động dịch vụ đô thị được mở rộng tạo văn minh, mỹ quan đô thị, diện mạo đô thị được hình thành và ngày càng khởi sắc.

5. Thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020

5.1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính

- Ngay từ đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân thị xã An Khê đã tập trung cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong tất cả các lĩnh vực nhằm cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, người kinh doanh: rút ngắn thời gian xử lý các TTHC, bảo đảm công khai, minh bạch tất cả các TTHC để người kinh doanh được biết; không gây phiền hà, sách nhiễu khi các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh đến liên hệ làm việc.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả mô hình một cửa điện tử với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo theo quy định. tổng số dịch vụ công trực tuyến triển khai thực hiện là 297 dịch vụ (Trong đó: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2 là 297 dịch vụ; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 29 thủ tục). Hiện nay, đa số các tổ chức

và công dân nộp hồ sơ giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã.

- Thực hiện công khai, minh bạch các định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; danh mục các dự án kêu gọi đầu tư sản xuất kinh doanh; phổ biến rộng rãi tiềm năng phát triển của thị xã An Khê; các cơ chế, chính sách đầu tư, hoạt động của các nhà đầu tư... để định hướng cho doanh nghiệp có thể tiếp cận, tham gia bình đẳng các nguồn lực phát triển.

5.2. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

- Tập trung phát triển nguồn lao động có tay nghề cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động trên địa bàn thị xã, trong và ngoài tỉnh: Ngay từ đầu năm, thị xã đã thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn với số lượng 95 học viên; thực hiện tuyên truyền, khuyến khích người lao động trên địa bàn tham gia các chương trình đào tạo nghề theo các lĩnh vực ưu tiên phát triển của thị xã.

- Phát triển nguồn lực cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trên địa bàn có trình độ cao: Trong 9 tháng đầu năm, thực hiện cử 275 cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn⁷ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; dân đáp ứng yêu cầu nguồn lực CBCCVC trình độ cao hiện nay.

- Thị xã cũng đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 04/5/2017 về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; yêu cầu CBCCVC trên địa bàn tăng cường rèn luyện, học tập nâng cao những kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi, kỹ năng sử dụng tốt các công nghệ hiện đại vào giải quyết công việc, phù hợp với yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đẩy mạnh ứng dụng nhiều thành tựu công nghệ hiện đại vào hoạt động quản lý nhà nước, đặc biệt trong xây dựng Chính quyền điện tử.

5.3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ

- Hệ thống giao thông trong 9 tháng đầu năm đã được chú trọng đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn từ ngân sách, các chương trình mục tiêu quốc gia với sự đóng góp rất lớn của nhân dân, các công trình làm đường bê tông xi măng, giao thông ven đô, giao thông nội đồng... đã góp phần nâng cao kết cấu hạ tầng phục vụ

⁷ Bồi dưỡng kiến thức Quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên chính 01 người; bồi dưỡng chức danh Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, UBND cấp xã là 14 người; bồi dưỡng chức danh Văn phòng – Thống kê, Văn hóa – Xã hội, Tài chính – Kế hoạch, Địa chính – Xây dựng là 15 người; tập huấn Chính trị viên phó, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã là 08 người; tập huấn công tác CCHC tại tỉnh Gia Lai là 25 người (07 công chức cơ quan chuyên môn và 18 cán bộ, công chức cấp xã); bồi dưỡng kỹ năng phát triển cộng đồng là 60 người (04 Công chức Địa chính – NN-XD và MT ở các xã; 53 cán bộ, chuyên trách, phó các Đoàn thể ở cấp xã; 02 người trong HTX, doanh nghiệp ở thị xã và Chủ tịch Hội CCB thị xã); tập huấn công tác văn thư, lưu trữ năm 2019 tại tỉnh Gia Lai là 03 người; tập huấn công tác văn thư, lưu trữ năm 2019 tại thị xã là 108 người; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền thông và giảm nghèo về thông tin cho cán bộ làm công tác thông tin cơ sở năm 2019 tại tỉnh là 25 người; tập huấn triển khai thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg tại tỉnh là 11 người; bồi dưỡng công nghệ thông tin tại tỉnh Gia lai là 02 người.

nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong 9 tháng, thực hiện làm mới 370m đường giao thông nông thôn, 2 km đường giao thông nội đồng; thực hiện vá mặt đường BTN nguội (đá dăm đen) dày 3-5 cm các tuyến đường Hoàng Hoa Thám, Đỗ Trạc; san gạt các tuyến đường đất xung quanh khu di tích Tây Sơn Thượng Đạo.

- Hạ tầng cụm công nghiệp thị xã An Khê: Thực hiện Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thành lập Cụm công nghiệp An Khê; Ủy ban nhân dân thị xã đã triển khai lập Quy hoạch chi tiết 1/500 với diện tích 50,65 ha; đến nay đã có một số Công ty đầu tư⁸. Về hạ tầng cụm công nghiệp, trong 9 tháng thực hiện xây dựng xong trục đường quy hoạch D1 (779m); đang chuẩn bị thi công đường D2 (874 m) và D4 (544m), tuy nhiên hiện nay đang bị vướng trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công.

- Cấp điện: Hiện nay trên địa thị xã có các tuyến điện cao thế đi qua gồm tuyến cao thế 220kV, Tuyến 110 kV từ Pleiku đi Quy Nhơn Tổng chiều dài đường dây trung thế 169,37 km; tổng số trạm biến áp là 150 trạm với tổng dung lượng 36,8 MVA; tổng chiều dài đường dây hạ thế dài 187,05 Km; số hộ sử dụng điện đạt tỷ lệ 99,97%. Trong 9 tháng, nhà máy điện sinh khối An Khê sản xuất được 40,35 Tr.kwh, góp phần phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp điện trên địa bàn. Hiện nay, hạ tầng về điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn thị xã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu.

- Cung cấp nước: Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê thực hiện cung cấp 970.000 m³ nước máy. Nhìn chung, tình hình cung cấp nước máy hiện tại trên địa bàn thị xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn thị xã.

- Viễn thông: Hiện nay, thị xã đã xây dựng được 04/5 điểm Bưu điện văn hóa xã có mạng Internet phục vụ các nhu cầu của nhân dân; số trạm thu - phát sóng di động (BTS) trên địa bàn là 62 trạm; chất lượng và phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100% trên toàn địa bàn thị xã. Trên địa bàn thị xã có 42 đại lý thông tin di động, 20 đại lý Internet; có 04 nhà cung cấp dịch vụ (VNPT, Viettel, FPT và SCTV). Tổng số thuê bao Internet trên địa bàn thị xã có khoảng 78.408 thuê bao, trong đó: Internet di động tăng mạnh với 69.444 thuê bao (chiếm 88,57%) và Internet cố định là 8.964 thuê bao. Hạ tầng CNTT trên địa bàn thị xã đã từng bước được hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu để triển khai các ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Đến nay, 100% các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn có hệ thống mạng LAN, mạng internet tốc độ cao (FTTH).

- Hạ tầng thủy lợi: Hiện nay, trên địa bàn thị xã An Khê có 175 công trình thủy lợi (ao, bầu, đập) phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (Trong đó, 165 công trình hiện đang sử dụng; 10 công trình bị bồi lắng, mất hiện trạng). Các công trình thủy lợi trên địa bàn thị xã có năng lực tưới nhỏ (dưới 20 ha) nên nguồn kinh phí trong quản lý, khai thác các công trình thủy lợi không đảm bảo để sử dụng cho nhiệm vụ bảo trì

⁸Công ty TNHH MTV Tân Long Granite Gia Lai chế biến đá granit, bazan với năng lực sản xuất 60.000 m²/năm; công ty TNHH Phúc Tân Kiều chế biến đá granit, bazan với năng lực sản xuất 45.000 m²/năm; xí nghiệp cơ giới nông nghiệp An Khê thuộc Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi chuyên trồng, cày, bừa, chăm sóc, thu hoạch mía, sửa chữa, bảo dưỡng cơ giới nông nghiệp.

tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT). Trên địa bàn có 03 trạm bơm điện (xã Tú An, Thành An và phường An Phước), chỉ có trạm bơm điện xã Tú An hoạt động thường xuyên, nhưng hiệu quả chưa cao, chỉ đáp ứng được khoảng 50% năng lực thiết kế.

6. Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh.

Môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, giúp cho tất cả thành phần kinh tế trên địa bàn phát triển khá về số lượng và chất lượng:

6.1. Kinh tế hợp tác, Hợp tác xã

- Tổng số Hợp tác xã (HTX) hoạt động theo Luật HTX năm 2012 đến thời điểm hiện tại là 09 HTX. Trong đó có 06 HTX nông nghiệp (*chiếm 66,67%*), 03 HTX phi nông nghiệp là 01 quỹ tín dụng, 02 HTX vận tải (*chiếm 33,33%*).

- Tổng số Tổ hợp tác (THT) trên địa bàn là 01 THT (Tổ hợp tác trồng hoa phường Ngô Mỹ được thành lập ngày 12/12/2018) với tổng số tổ viên hiện nay là 15 thành viên; các tổ viên đã ký Hợp đồng hợp tác ngày 12/12/2018, ban hành quy chế hoạt động; vốn Điều lệ: 30 triệu đồng.

- Trong 9 tháng đầu năm 2019, nhìn chung thành phần kinh tế hợp tác, HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh tương đối ổn định; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của kinh tế hợp tác và HTX trên địa bàn đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thị xã, góp phần tiêu thụ nông sản cho nông dân, thực hiện công tác an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, đời sống của thành viên HTX ngày càng ổn định và nâng cao; các HTX nông nghiệp dần từng bước thực hiện liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, như: HTX Nông nghiệp và Kinh doanh dịch vụ Thành An và HTX Nông nghiệp Tú An 1, HTX nông nghiệp - thương mại và dịch vụ Xuân An đã thực hiện liên kết với Nhà máy Đường An Khê để vận chuyển, tiêu thụ mía nguyên liệu cho thành viên HTX; HTX Nông nghiệp Tú An 1 liên kết với các hộ dân đầu tư sản xuất cây dược liệu (cà gai leo), liên kết với Công ty xuất nhập khẩu Thái Hưng (tại Thái Bình) trong trồng cây Thảo huyết minh; HTX Nông nghiệp và Kinh doanh dịch vụ Thành An liên kết với Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (tại Mang Yang) để trồng và tiêu thụ chuỗi tiêu hồng.

- Tập trung triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị, quy trình sản xuất cho cán bộ quản lý HTX nông nghiệp và thành viên HTX: Tháng 01/2019, UBND thị xã An Khê đã cử 25 học viên tham gia lớp “Giám đốc HTX nông nghiệp cho cán bộ trẻ năm 2018-2019 tại thị xã An Khê tham gia lớp “Giám đốc HTX nông nghiệp cho cán bộ trẻ năm 2018-2019 theo Công văn số 2434/SNNPTNT-CCPTNT ngày 17/12/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

- Thị xã An Khê luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp tham gia hoạt động một số dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng nông thôn mới và

đời sống thành viên như: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi; nước sinh hoạt nông thôn, bảo vệ môi trường, chợ nông thôn và các dịch vụ khác phù hợp với năng lực quản lý để tạo đà cho HTX nông nghiệp phát triển đúng hướng. Kết quả: Bước đầu, một số HTX (HTX nông nghiệp Tú An 1, HTX nông nghiệp - Thương mại và Dịch vụ Xuân An, HTX Kinh doanh dịch vụ tổng hợp nông nghiệp An Phú, HTX Dịch vụ An Bình) được UBND xã, phường giao thực hiện quản lý, khai thác công trình thủy lợi, dịch vụ thu gom rác thải, chợ nông thôn và các dịch vụ khác phù hợp với năng lực hiện tại của từng hợp tác xã.

- Tạo điều kiện thành lập mới các HTX trên địa bàn, đặc biệt là HTX nông nghiệp: Tại xã Cửu An đã thành lập Ban Vận động thành lập HTX nông nghiệp, dự kiến thành lập HTX nông nghiệp Cửu An trong tháng 9/2019.

- Hiện nay, UBND thị xã đã triển khai thực hiện Chương trình OCOP và hỗ trợ phát triển sản xuất đối với HTX, đạt được một số kết quả nhất định:

- + Đã hướng dẫn, triển khai cho UBND các xã, phường thực hiện Chương trình OCOP.

- + Đã triển khai hỗ trợ cho HTX nông nghiệp Tú An 1 kinh phí 200 triệu đồng để triển khai Chương trình OCOP để triển khai sản xuất Trà túi lọc cà gai leo (theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019; Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND thị xã về việc điều chỉnh Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND thị xã); hỗ trợ kinh phí 320 triệu đồng với nội dung xây dựng mô hình thí điểm HTX điểm phát triển có hiệu quả theo hướng SX ứng dụng tưới nhỏ giọt (Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán bổ sung vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019).

6.2. Lĩnh vực kinh tế tư nhân

Tính đến nay, toàn địa bàn thị xã có gần 4.000 hộ kinh doanh cá thể. Trong 9 tháng đầu năm, có 200 hộ kinh doanh thành lập mới trên địa bàn với tổng số vốn đăng ký là 68,942 tỷ đồng; số hộ cấp đổi 54 hộ; cấp lại 18 hộ; chấm dứt hoạt động kinh doanh là 56 hộ.

Số Doanh nghiệp đăng ký mới trên địa bàn 9 tháng đầu năm là 15 doanh nghiệp, đạt 30% KH tỉnh giao (tỉnh giao thành lập 50 doanh nghiệp), nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 255 doanh nghiệp, phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nghiệp mang nặng tính gia đình, chưa có sự liên kết với nhau hoặc với thành phần kinh tế khác; năng lực cạnh tranh chưa cao; sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trên địa bàn; sản phẩm hàng hóa chưa có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Thị xã cũng tăng cường triển khai các giải pháp phát triển doanh nghiệp các tháng cuối năm 2019. Thực hiện tuyên truyền cho tất cả các hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh khi chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp (được quy định tại Điều 15, 16, 17,

18, 19 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa); yêu cầu Chi cục thuế thị xã tăng cường quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh dựa vào quy mô (doanh thu, vốn kinh doanh, số lao động, ngành nghề kinh doanh, diện tích kinh doanh, nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên...) để vận động những hộ kinh doanh có tiềm lực, điều kiện chuyển đổi sang thành lập doanh nghiệp; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại thị xã An Khê, phòng Tài chính – Kế hoạch tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình đăng ký thành lập doanh nghiệp ngay khi các cá nhân, hộ gia đình đến làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (Đặc biệt vận động các hộ kinh doanh có số lao động từ 05 người trở lên, hoặc có vốn đầu tư kinh doanh trên 500 triệu đồng).

7. Về thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

Trong 9 tháng đầu năm, việc tái cơ cấu các ngành kinh tế trên địa bàn đã đạt được một số thay đổi về chuyển dịch tỷ trọng các ngành. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ dần chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị sản xuất trên địa bàn. Nền kinh tế thị trường ngày càng rõ nét, từng bước đa dạng hóa đối tác, đa dạng hóa thị trường và đa dạng hóa sản phẩm.

- Thị xã tiếp tục rà soát lại các quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành công nghiệp trên địa bàn có thể mạnh, phù hợp với quy hoạch ngành của toàn tỉnh. Tập trung thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp thị xã, với các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, công nghiệp cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng hiện đại.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, nhất là đối với mặt hàng thiết yếu; triển khai tích cực Chương trình bình ổn thị trường góp phần bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng dịch vụ trên địa bàn, nhất là các dịch vụ có thể mạnh trên địa bàn như: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, ăn uống...

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích nông nghiệp xanh, sạch, khuyến khích sản xuất các mặt hàng nông sản có giá trị cao. Các cơ quan chức năng trên địa bàn phối hợp với các nhà máy chế biến trên địa bàn trong việc thực hiện kế hoạch trồng trọt, cung ứng nguyên liệu để ổn định sản xuất trong 6 tháng cuối năm. Thực hiện có hiệu quả chương trình khuyến công để hỗ trợ các thành phần kinh tế ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

8. Về các lĩnh vực xã hội

8.1. Giáo dục, đào tạo

- Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 24 trường công lập⁹ với 405 lớp học,

⁹ Mẫu giáo 09 trường; Tiểu học 07 trường; Tiểu học và Trung học cơ sở 02 trường; Trung học cơ sở 06 trường; Trung học phổ thông 04 trường

13.851 học sinh¹⁰; có 04 trường mầm non tư thục, 65 nhóm lớp với 1405 trẻ.

- Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn là 24/28, đạt tỷ lệ 85,71% (tỷ lệ này bao gồm cả 02 trường Trung học phổ thông trên địa bàn).

- Hoàn thành chương trình giáo dục và đào tạo năm học 2018-2019. Kết quả: 100% trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; 99,92% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học; 98,2% học sinh lớp 9 tốt nghiệp Trung học cơ sở. Chỉ đạo các trường học trên địa bàn tổ chức tổng kết năm học 2018-2019 theo đúng kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và 3 điểm thi THPT trên địa bàn thị xã tổ chức thành công kỳ thi THPT cấp Quốc gia năm 2019 đúng quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị trường học tổ chức khai giảng năm học 2019-2020 theo kế hoạch. Hoàn thành công tác huy động học sinh vào lớp 1 và tuyển sinh lớp 6 năm học 2019-2020.

8.2. Khoa học và công nghệ

- Tiếp tục theo dõi, giám sát tình hình thực hiện dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2018 “*Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận rau An Khê*”.

- Kết thúc dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2017 “*Xây dựng mô hình sản xuất giống hoa trang trí và giống cây đường phố theo hướng công nghệ cao trên địa bàn thị xã An Khê*”.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã An Khê xây dựng, hoàn chỉnh Thuyết minh dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2019 “*Xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả có múi theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn xã Cửu An, thị xã An Khê*”.

- Thực hiện đăng ký dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2020.

- Thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt nội dung và dự toán Thuyết minh dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cấp thị xã năm 2019; đề cử doanh nghiệp tham gia xét chọn Danh hiệu “Doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu năm 2019

8.3. Tình hình lao động, việc làm

- Công tác lao động, giải quyết việc làm ngày càng được chú trọng; đã xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 cho 95 học viên và đơn đốc xã, phường triển khai đăng ký học nghề cho lao động nông thôn tại Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai; thực hiện tuần Lễ quốc gia an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ lần thứ 20 năm 2019.

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Hợp tác lao động Quốc tế VINACO liên hệ, làm việc với UBND các xã, phường tuyên truyền, tư vấn, tuyển chọn lao

¹⁰ Trong đó: Mẫu giáo: 63 lớp với 1885 trẻ; Tiểu học 211 lớp với 6830 học sinh; THCS 131 lớp với 5.143 học sinh

động tại các địa phương trên địa bàn thị xã để đưa đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Ban hành Kế hoạch điều tra cung, cầu lao động năm 2019; cử cán bộ, công chức tại cơ quan chuyên môn và tại xã, phường tham gia tập huấn cung, cầu lao động tại tỉnh; thực hiện điều tra và tổng hợp biến động thông tin điều tra Cung, Cầu lao động năm 2019.

8.4. Công tác an sinh xã hội

- Tăng cường công tác giảm nghèo trên địa bàn thị xã; thực hiện hướng dẫn xã, phường cấp sổ hộ nghèo giai đoạn 2018-2020; xây dựng Kế hoạch giảm nghèo năm 2019; phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã An Khê và Điện lực An Khê hỗ trợ xây mới 01 nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn thị xã; thực hiện khảo sát 10 nhà của Người có công có khó khăn về nhà ở; xét chọn, ưu tiên 05 nhà có hoàn cảnh khó khăn nhất báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Gia Lai xem xét hỗ trợ. Tổng số hộ nghèo phát sinh trong 9 tháng đầu năm là 05 hộ.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng quản lý (người có công, Bảo trợ xã hội, người nghèo), tổ chức thăm hỏi đối tượng chính sách, người có công, tặng quà và tổ chức cho người nghèo ăn Tết Mậu Tuất kịp thời, an toàn, tiết kiệm (Thực hiện cấp 640 thẻ BHYT cho đối tượng chính sách người có công; chi trả trợ cấp cho 428 đối tượng người có công; tổ chức thăm và tặng quà cho đối tượng chính sách dịp Tết nguyên đán với 2.092 suất quà; cấp 1.863 thẻ BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội...)

- Triển khai thực hiện kế hoạch công tác bình đẳng giới, thực hiện các chế độ chính sách đối với trẻ em nghiêm túc, đúng quy định. Triển khai rà soát các đối tượng khuyết tật có nhu cầu khám sàng lọc và điều trị năm 2019 cho 29 đối tượng.

- Các ngành chức năng tăng cường công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt là trong các ngày dịp Lễ, Tết.

8.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Toàn thị xã hiện có 01 Trung tâm Y tế thị xã An Khê, 01 phòng Y tế và 11 trạm y tế xã, phường. Trong đó có 06/11 trạm y tế có bác sĩ¹¹, 11/11 trạm có cán bộ y học cổ truyền; có 25/25 thôn, làng có cán bộ y tế thôn làng hoạt động. Đến nay, đã có 11/11 trạm y tế xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo Bộ tiêu chí giai đoạn đến năm 2020). Ngành y tế chú trọng công tác y tế cơ sở, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, đảm bảo trực cấp cứu 24/24. Ngoài ra, các đơn vị y tế trên địa bàn thị xã thường xuyên được củng cố, đầu tư, nâng cấp về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

¹¹ Trạm y tế phường An Phước, Tây Sơn, Song An, An Bình, An Tân, An Phú.

Tổng số giường bệnh toàn thị xã là 175 giường (trong đó Trung tâm Y tế An Khê có 120 giường, trạm y tế các xã, phường 55 giường). Tổng số bác sĩ hiện nay có 45 bác sĩ.

Trong kỳ có 55.6000 lượt khám chữa bệnh (trong đó khám bằng bảo hiểm y tế là 48.735 lượt người). Số trẻ em được tiêm chủng đủ liều là 826 trẻ, đạt 69,35% KH.

Công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn thị xã; đã thực hiện điều tra khoanh vùng và xử lý hóa chất 10/11 xã, phường. Tính đến ngày 05/9/2019 có 716 trường hợp mắc sốt xuất huyết.

Các chương trình y tế quốc gia được triển khai thường xuyên theo quy định; công tác xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã được quan tâm đúng mức.

Thường xuyên tuyên truyền, giám sát ngộ độc thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn thị xã¹². Tổ chức lễ phát động tháng hành động ATTP với khoảng 200 người tham dự. Trong kỳ không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

8.6. Về hoạt động văn hóa, thể dục thể thao

Tập trung triển khai công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cũng như nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội của địa phương. Tổ chức nhiều chương trình văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, thu hút đông đảo nhân dân đến xem¹³.

¹² Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP thị xã đã thực hiện kiểm tra 48 cơ sở kinh doanh thực phẩm trong Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2019, trong đó có 08 cơ sở mắc vi phạm; thực hiện kiểm tra, giám sát tại 20 cơ sở là khách sạn, nhà nghỉ; phòng Y tế thị xã phối hợp với đơn vị liên quan giám sát ATTP đối với 20 cơ sở kinh doanh thực phẩm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2019, trong đó có 17 cơ sở đạt, 03 cơ sở có vi phạm được nhắc nhở.

¹³ Tuyên truyền kỷ hợp thứ 7 – Hội đồng nhân dân thị xã, nhiệm kỳ 2016 – 2021; kỷ niệm 15 năm thành lập thị xã An Khê; tuyên truyền mừng Đảng, mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019; kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 – 3/2/2019); Lễ kỷ niệm 248 năm Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn (1771 - 2019), 230 năm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789 – 2019) và Hội cầu huê vùng An Khê năm 2019; tuyên truyền kỷ niệm Giỗ tổ Hùng Vương, 44 năm giải phóng miền Nam (30/4/1975 - 30/4/2019) và Quốc tế Lao động 01/5/2019; 65 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 – 07/5/2019); 129 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2019); các hoạt động hưởng ứng tháng hành động vì trẻ em và ngày Quốc tế thiếu nhi (1/6); kỷ niệm ngày Báo chí Việt Nam (21/6); Ngày Gia đình Việt Nam (28/6); Ngày Dân số thế giới (11/7); kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947- 27/7/2019); kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/7); 89 năm ngày truyền thống công tác Tuyên giáo (01/8); 74 năm ngày truyền thống Công an nhân dân và 14 năm Ngày hội “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” (19/8); 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2/9/1969- 2/9/2019); Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên thị xã; Lễ tưởng niệm 227 năm Ngày mất Hoàng đế Quang Trung (29/7/1792- 29/7/ 2019); kỷ hợp lần thứ 9 - HĐND thị xã nhiệm kỳ 2016-2021; Lễ đón nhận, truy điệu và an táng liệt sỹ, công tác tuyển quân, lễ giao nhận quân; Tháng ATVSTP năm 2019, Tháng hành động vì môi trường năm 2019; Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; tuyên truyền về Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ hai về khảo cổ học tại thị xã An Khê, tuần lễ “sơ kỳ Đá Cũ An Khê”; tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2019; công tác tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2019, công tác chuẩn bị tuyển sinh năm học mới 2019 - 2020; phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, dịch tả lợn Châu Phi, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, các hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động hè năm 2019, tuyên

Hoạt động thư viện: mở cửa 185 ngày, phục vụ 1.894 lượt bạn đọc, 2.328 lượt truy cập Internet, luân chuyển 9.335 bản sách xuống cơ sở.

Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao thực hiện tốt việc tiếp âm, tiếp sóng Đài THVN, TNVN và Đài PT-TH tỉnh. Tuyên truyền các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn; phục vụ cho nhân dân những thông tin về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn. Tổ chức sản xuất 187 chương trình phát thanh với 1.426 tin, bài; 40 chương trình truyền hình với 220 tin, bài, phóng sự; 07 chương trình truyền hình với 16 phóng sự. Tiếp phát chương trình của Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam và Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh với số giờ phát sóng truyền thanh FM 2.160 giờ, truyền hình 12.348 giờ.

Phong trào tập luyện thể dục thể thao ở các xã, phường và quần chúng nhân dân ngày càng phát triển. Tổ chức nhiều giải thi đấu thể thao trên địa bàn được đông đảo đơn vị, nhân dân tham gia ¹⁴.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được chú trọng. Trong kỳ, tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở thị xã năm 2019, có 11 đội tham gia; tham gia hội thi cấp tỉnh đạt giải nhì toàn đoàn. Công nhận danh hiệu gia đình văn hóa năm 2018 cho 14.035/16.548 gia đình; 58/60 thôn, làng, tổ dân phố văn hóa năm 2018; 67/85 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 2018; lập hồ sơ đề nghị bảo lưu danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” năm học 2018-2019 cho 27 trường học trên địa bàn thị xã.

Mạng lưới bưu chính viễn thông được hiện đại hóa, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đảm bảo thông tin thông suốt phục vụ mọi nhu cầu phát triển thông tin liên lạc của địa phương. Hiện nay, toàn thị xã có 4/5 bưu điện văn hóa xã có mạng Internet phục vụ các nhu cầu của nhân dân; chất lượng và phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100% trên toàn địa bàn thị xã.

truyền về chính sách giảm nghèo bền vững, các chính sách an sinh xã hội; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; công tác phòng chống hạn, cháy rừng trong mùa khô, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; công tác bảo tồn các di sản văn hóa,...

¹⁴ Tổ chức Đoàn tham gia giải Việt dã Báo Gia Lai năm 2018, đạt 03 HCV, 01 HCB, 10 HCD; xếp thứ nhì toàn đoàn; Tổ chức 02 đêm thi đấu võ thuật cổ truyền thị xã An Khê mở rộng năm 2019 với sự tham gia của 11 câu lạc bộ, 50 võ sỹ đến từ các tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên, thu hút khoảng 1.000 lượt người xem, cổ vũ; Phối hợp Thị Đoàn tổ chức thành công Giải bóng chuyền truyền thống thanh niên thị xã An Khê năm 2019 tại Nhà thi đấu thể thao thị xã với gần 240 huấn luyện viên, vận động viên của 16 đơn vị tham gia, đã tổ chức 32 trận đấu, phục vụ hơn 3.500 lượt khán giả đến xem và cổ vũ; Tổ chức giải bơi lội cho thiếu niên hè 2019 với 35 VĐV của 10 đội đến từ các xã, phường trên địa bàn thị xã; thành lập đoàn VĐV (gồm 16 VĐV) tham gia giải vô địch các câu lạc bộ Võ thuật cổ truyền tỉnh Gia Lai năm 2019, đạt 02 HCV, 03 HCB, 04 HCD, xếp thứ 4 toàn đoàn; thành lập đoàn VĐV (gồm 28 VĐV) tham gia giải vô địch các câu lạc bộ Vovinam tỉnh Gia Lai năm 2019, đạt 03 HCV, 03 HCB, 04 HCD, xếp thứ 5 toàn đoàn; tham gia Giải vô địch các câu lạc bộ Karate tỉnh (gồm 22 VĐV), đạt 01 HCV, 03 HCB, 04 HCD; tham gia Giải cầu lông các câu lạc bộ tỉnh Gia Lai mở rộng (gồm 12 VĐV), đạt 01 HCV, 01 HCB.

9. Về đất đai, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 100%;
- Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch: 100%.
- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom: 93,88%.
- Tỷ lệ chất thải rắn y tế đạt chuẩn: 84,2%.
- Số khu cụm công nghiệp đang hoạt động: 01 cụm.

Công tác quản lý môi trường, khoáng sản ngày càng được chú trọng, tăng cường.

- Trong kỳ, chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn thường xuyên thực hiện các cuộc kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm chấn chỉnh và nâng cao công tác bảo vệ môi trường (thực hiện kiểm tra hệ thống xử lý môi trường của 10 hộ chế biến tinh bột sắn tại phường Ngô Mỹ; tham gia cùng Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành hệ thống xử lý nước thải (Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai - Cơ sở 2). Trong quá trình kiểm tra, UBND thị xã đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm hành chính đối với Nhà máy đường An Khê về hành vi xả nước thải có chứa chỉ số thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật.

- Thực hiện kiểm tra khối lượng thực hiện các hạng mục công trình phục vụ đóng cửa mỏ khai thác đá tại phường Ngô Mỹ của Công ty cổ phần lâm nghiệp và xây dựng An Khê; phân công cơ quan chuyên môn cùng với Công an thị xã (Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy - Môi trường), UBND xã, phường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn. Vì vậy đã góp phần hạn chế tình trạng khai cát, sỏi trái phép xảy ra trên địa bàn thị xã.

10. Về quốc phòng, an ninh.

- An ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội cơ bản ổn định. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương có bước phát triển tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ động nắm chắc tình hình, triển khai các chủ trương, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, đấu tranh, xử lý có hiệu quả các loại tội phạm vi phạm pháp luật, kiểm chế tội phạm hình sự, kiểm soát tội phạm về tệ nạn ma túy, không để xảy ra trọng án giết người, tội phạm băng, nhóm, tội phạm phức tạp gây bức xúc dư luận, nâng cao tỷ lệ điều tra khám phá tội phạm. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng.

- Lực lượng Công an, Quân sự các cấp thực hiện nghiêm túc các chế độ trực chỉ huy, trực ban, ứng trực, đảm bảo quân số chiến đấu trong mọi tình

huống. Thực hiện thống nhất và chặt chẽ công tác phối hợp. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh vững chắc.

- Tổ chức phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác, kiểm chế tội phạm hình sự, chủ động đấu tranh với các loại tội phạm ma túy, tệ nạn xã hội, tỷ lệ điều tra khám phá tội phạm đạt khá cao, tích cực triển khai các biện pháp quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

11. Về Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

- Công tác thanh tra: Trong kỳ, thực hiện 05 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, trong đó có 04 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 01 cuộc thanh tra đột xuất.

- Công giải quyết khiếu nại, tố cáo: Số đơn tiếp nhận trong kỳ 150 đơn (cấp huyện 56 đơn, cấp xã 94 đơn), giảm 20,21% so với cùng kỳ (giảm 38 đơn); tỷ lệ giải quyết đơn đạt 82,58% (109/132 đơn), tăng 4,45% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 9 tháng đầu năm, trên địa bàn thị xã không có điểm nóng, không tồn tại vụ việc khiếu kiện kéo dài, phức tạp. Các nội dung của đơn thư chủ yếu phản ánh về việc xả thải trong chăn nuôi làm ô nhiễm môi trường, tranh chấp lối đi, đường nội đồng, tranh chấp đất đai, tranh chấp hợp đồng dân sự, thừa kế...

- Công tác phòng, chống tham nhũng: Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn nghiêm túc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động, các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy chế chi tiêu nội bộ... Trong kỳ, thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018 đối với 69 cơ quan, đơn vị với tổng số người kê khai là 351 người, đạt 100% kế hoạch. Trong kỳ, chưa phát hiện có hành vi tham nhũng trên địa bàn thị xã.

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Trong 9 tháng đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân thị xã đã tập trung chỉ đạo, triển khai các giải pháp thực hiện nhiệm vụ đề ra nên đạt được một số kết quả khả quan như:

- Kinh tế phát triển toàn diện

+ Công tác quy hoạch được quan tâm, thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung đảm bảo làm nền tảng cho việc đầu tư phát triển kinh tế xã hội đảm bảo hài hòa gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.

+ Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, Tổng giá trị sản xuất (tính theo giá SS 2010) ước thực hiện 9 tháng đầu năm là 5.358,49 tỷ đồng, đạt 75,12% kế hoạch, tăng 13,12% so với cùng kỳ năm 2018; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng Công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản. Giá trị sản xuất của các ngành đều tăng hơn so với cùng kỳ năm 2018.

+ Hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư, cơ sở hạ tầng được đầu tư theo hướng mở rộng và đồng bộ; tập trung công

tác chỉnh trang đô thị, bảo đảm hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí; công tác thu gom rác thải đã có nhiều tiến triển, đảm bảo mỹ quan đô thị; các dự án đa số được triển khai đúng tiến độ.

+ Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2018. Trên địa bàn có 05/05 xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí Quốc gia; công tác xây dựng làng nông thôn mới đạt nhiều kết quả khả quan.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

+ Công tác bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện được chú trọng. Tổng số trường học trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia ước đạt 24/28 trường, đạt tỷ lệ 85,71% (đã bao gồm cả 2 trường Trung học phổ thông).

+ Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh, chất lượng khám và chữa bệnh được thực hiện tốt hơn.

+ Các vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết; các chế độ chính sách, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

+ Chất lượng lao động tăng lên đáng kể. Lao động nông thôn được chú trọng đào tạo ngày càng đáp ứng được nhu cầu lao động trên địa bàn.

+ Hoạt động văn hóa thể thao phong phú, đa dạng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và phục vụ đời sống nhân dân.

+ Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định: thực hiện giao quân đạt 100% kế hoạch đặt ra. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương có bước phát triển tốt, góp phần ổn định chính trị trên địa bàn. Tình hình An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thị xã, các hội, đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch.

2. Hạn chế, tồn tại

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế cần khắc phục:

- Thu ngân sách tương đối cao tuy nhiên, việc nuôi dưỡng nguồn chưa cao vì tình hình kinh tế trên địa bàn còn nhiều khó khăn, mùa vụ thu hoạch còn thấp, giá cả nhiều mặt hàng không ổn định, dịch bệnh trong chăn nuôi diễn biến phức tạp gây nhiều khó khăn cho nguồn thu trên địa bàn.

- Các tiêu chí nông thôn mới chưa thật sự bền vững, công việc triển khai xây dựng các tiêu chí nâng cao còn lúng túng.

- Việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa đạt yêu cầu, còn nhiều khó khăn.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi trên địa bàn.

- Công tác điều chỉnh quy hoạch chung trên địa bàn thị xã còn chậm.

III. Dự báo khả năng thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân thị xã giao

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019			Đạt, không đạt so với Nghị quyết
			Kế hoạch	Ư' TH 9tháng	Ước TH năm 2019	
I	Các chỉ tiêu kinh tế					
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất	%	13,03		12,94	Không Đạt
2	Cơ cấu kinh tế	%				
-	Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản	%	9,76		10	Đạt
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%	52,26		53,51	Đạt
-	Ngành dịch vụ	%	37,97		36,49	Đạt
3	Tổng thu NSNN (9 tháng tính đến ngày 31/8/2019)	Tỷ đồng	92,070	74,477	94,568	Đạt
4	Chi cân đối ngân sách địa phương (9 tháng tính đến ngày 31/8/2019)	Tỷ đồng	298,214	173,418	354,123	Đạt
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	1.750	1.400	1.758	Đạt
II	Các chỉ tiêu xã hội					
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,1		1,1	Đạt
	Trong đó: Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,0		1,00	Đạt
2	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Lao động	1.100		1.100	Đạt
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)	%	1,87		1,87	Đạt
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,28		0,28	Đạt
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	92	92	92	Đạt
6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	92,86	85,71	89,29	Không Đạt
7	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	120	120	120	Đạt

	Hay Số giường bệnh không tính giường trạm y tế xã					
8	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ	%	45,45	54,55	54,55	Đạt
9	Số bác sĩ/vận dân Hay tổng số bác sĩ	Bác sĩ	42	45	45	Đạt
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	85	78,41	85	Đạt
III	Chỉ tiêu môi trường					
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	21,23	21,20	21,23	Đạt
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,3	100	100	Đạt
3	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%	100	100	100	Đạt
4	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	93,5	93,88	94	Đạt

Phần 2

MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG 3 THÁNG CUỐI NĂM 2019

1. Về lĩnh vực kinh tế

1.1. Phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản

- Tiếp tục phối hợp với các địa phương rà soát diện tích cây trồng bị thiệt hại do nắng hạn vụ mùa 2019, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ cho các hộ bị thiệt hại theo quy định; theo dõi diễn biến tình hình thời tiết khí hậu để chủ động phối hợp với các địa phương hướng dẫn nhân dân sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 đạt hiệu quả.

- Thực hiện công tác điều tra định kỳ thời điểm ngày 01/10 trên đàn vật nuôi, tăng cường quản lý và giám sát công tác giống vật nuôi và tư vấn kỹ thuật chăn nuôi cho hộ. Tuyên truyền và ký cam kết không buôn bán, lưu thông và sử dụng chất cấm trong chăn nuôi với tất cả các đối tượng buôn bán, giết mổ và hộ chăn nuôi trên địa bàn. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là các đàn gia cầm nuôi với số lượng lớn, vận động các hộ chăn nuôi nhận thức và tích cực tiêm phòng vaccin phòng bệnh cho gia súc-gia cầm. Giám sát chương trình tiêm phòng định kỳ Tụ huyết trùng – trâu bò và kép Heo năm 2019 và tiếp tục triển khai công tác tiêm phòng đợt II vaccin lở mồm long móng trâu bò. Tiếp tục triển khai các biện pháp chống dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn thị xã; Tích cực tuyên truyền vận động phòng chống bệnh dại trên đàn chó nuôi tại các gia đình ở nội thị. Đẩy mạnh công tác tiêm phòng vaccin dại chó.

- Tăng cường biện pháp quản lý rừng, PCCC rừng; triển khai thu hồi diện tích đất lâm nghiệp bị người dân lấn, chiếm và trồng lại rừng giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn thị xã; đôn đốc các địa phương tiếp tục hướng dẫn người dân kê khai vị trí, diện tích đang sản xuất nông, lâm nghiệp trong đất lâm nghiệp; phân bổ kinh phí để Ủy ban nhân dân xã Song An triển khai trồng 10,1ha rừng thông tại địa bàn xã Song An.

- Thường xuyên kiểm tra, tăng cường công tác bảo đảm an toàn các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn thị xã trước mùa mưa, lũ năm 2019.

1.2. Phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Đôn đốc các thành phần kinh tế phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019; chuẩn bị nguồn hàng phục vụ Tết dương lịch và âm lịch năm 2020; tăng cường các biện pháp phòng chống hàng giả, hàng lậu, hàng kém chất lượng tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cạnh tranh kinh doanh lành mạnh.

- Quan tâm hỗ trợ, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tăng cường quảng bá hình ảnh, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng để mời gọi các doanh nghiệp đến đầu tư kinh doanh trên địa bàn thị xã; tăng cường các biện pháp phòng chống hàng giả, hàng lậu, hàng kém chất lượng tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cạnh tranh kinh doanh lành mạnh.

- Tăng cường mối quan hệ, liên kết giữa các huyện thị trong khu vực để phát huy nguồn lực, tiềm năng sẵn có của các địa phương trong phát triển du lịch phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

- Tiếp tục rà soát lại các quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành công nghiệp trên địa bàn có thể mạnh, phù hợp với quy hoạch ngành của toàn tỉnh; đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, phát huy tốt năng lực sản xuất của các nhà máy hiện có, đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn; tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp thị xã nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp thị xã.

1.3. Công tác đầu tư, quản lý quy hoạch, đô thị

- Tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn nhà nước; rà soát các công trình chậm triển khai, vướng thủ tục, còn nợ đọng để kịp thời giải quyết theo quy định.

- Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng; tiếp tục tăng cường công tác chỉnh trang đô thị, hoạt động dịch vụ đô thị.

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư các công trình khởi công mới thuộc kế

hoạch năm 2020; tăng cường chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và giải ngân vốn; đảm bảo đến ngày 30/9/2019 tỷ lệ giải ngân trên 60% kế hoạch vốn năm 2019 và phần đầu đến 31/01/2020 hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao.

- Việc lựa chọn nhà thầu phải đảm bảo năng lực, uy tín, khắc phục tình trạng yếu kém về năng lực tài chính, thi công, yếu kém về công nghệ, kéo dài thời gian thi công; quản lý tốt nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tăng cường thực hiện công tác đấu thầu qua mạng theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính.

1.4. Quản lý tài chính, ngân sách, tín dụng

- Tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, để đảm bảo đạt chỉ tiêu phần đầu thu ngân sách đạt và vượt dự toán năm 2019; tập trung đôn đốc, xử lý thu hồi nợ đọng thuế.

- Công tác chi ngân sách phải được kiểm soát và thanh toán đúng chế độ quy định; điều hành có hiệu quả các hoạt động tài chính ngân sách; thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tăng cường công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính công.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, không bỏ trí kinh phí cho các việc chưa thật sự cấp bách.

- Khuyến khích mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn thị xã. Ưu tiên cho vay đầu tư phát triển các lĩnh vực sản xuất, phát triển nông nghiệp nông thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm việc cho vay không qua hệ thống ngân hàng, cho vay nặng lãi, hiện tượng huy động vốn có dấu hiệu của tội phạm lừa đảo. Khuyến cáo rộng rãi để các tổ chức, cá nhân biết những tác hại, rủi ro, cơ sở pháp lý liên quan đến tín dụng đen. Bên cạnh việc tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, cần rà soát, đánh giá từng khoản nợ xấu để có biện pháp xử lý phù hợp.

2. Lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế tập thể

- Tiếp tục tập trung cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, đặc biệt là TTHC ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của doanh nghiệp như đất đai, thuế,... Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến phổ biến, liên quan đến người dân, doanh nghiệp được cung cấp ở mức độ 3 và 4.

- Tiếp tục công khai các chủ trương, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương, tỉnh, thị xã, các điều kiện và tiêu chí có liên quan... để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và chủ đầu tư tiếp cận nguồn lực của nhà nước như danh mục kêu gọi đầu tư, việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ, quy trình, thủ tục về

đầu tư, quy hoạch...., tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp được đầu tư trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra công chức, viên chức khi thực hiện công vụ nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các trường hợp nhũng nhiễu, hạch sách người dân, doanh nghiệp và ngăn ngừa, xử lý triệt để các hành vi tham nhũng, lãng phí. Nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực, đề cao trách nhiệm, ý thức pháp luật, chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quý IV năm 2019, thực hiện tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã để cung cấp thông tin, hướng dẫn các cá nhân, tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn.

3. Về lĩnh vực văn hóa – xã hội

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, giữa các ngành với chính quyền các cấp, giữa các cấp chính quyền nhằm phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân để đem lại hiệu quả công tác cao hơn.

- Thực hiện kế hoạch năm học 2019-2020 theo chỉ thị nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung công tác kiểm tra giáo dục có trọng tâm, trọng điểm ở các cấp học; tăng cường công tác quản lý việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn; tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập; đẩy mạnh hoạt động khuyến học và củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng theo đúng tinh thần Quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ tại các xã, phường; tăng cường quản lý các nhà trường mầm non tư thục; tiếp tục đầu tư xây mới, sửa chữa, nâng cấp phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, công trình vệ sinh, nước sạch trong các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh đầu tư xây dựng trường mẫu giáo Ban Mai đạt chuẩn quốc gia; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công tác xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực của xã hội, sự tham gia của cha mẹ chăm lo cho giáo dục; xây dựng kế hoạch củng cố, nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số.

- Ngành y tế tăng cường giám sát, theo dõi tình hình các bệnh có khả năng gây dịch để phát hiện và xử lý kịp thời; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nhất là khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người nghèo, đẩy mạnh công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường công tác quản lý, đầu tư trang thiết bị y tế nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Ngành văn hóa, thể thao và du lịch chuẩn bị tốt cho các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong 3 tháng cuối năm; tuyên truyền, quảng bá hình ảnh con người, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan thiên nhiên vùng đất An Khê; tổ chức kiểm tra, công nhận thôn, làng, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị doanh nghiệp

đạt chuẩn văn hóa năm 2019; tiếp tục tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, thông tin, truyền thông trên địa bàn đúng pháp luật, xây dựng môi trường văn hóa trên địa bàn lành mạnh; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển du lịch thị xã năm 2019; xây dựng Quy hoạch và quản lý khai thác tài nguyên du lịch trên địa bàn thị xã; tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung của Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với di tích Lịch sử - Văn hóa Tây Sơn thượng đạo giai đoạn 2017-2020.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ theo quy định đối với các đối tượng chính sách người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo. Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 theo đúng quy định.

- Hoàn thành hồ sơ đề nghị thị xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011-2018. Tập trung triển khai xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã Tú An, Song An.

- Phần đầu giải quyết trên 85% các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh; xử lý 100% các vụ việc khiếu nại, tố cáo đúng thời hạn luật định; hạn chế đơn thư vượt cấp; tổ chức thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt trên 80%; tiếp tục thực hiện thanh tra kinh tế - xã hội theo Kế hoạch đầu năm 2019; gắn thanh tra kinh tế - xã hội với thanh tra việc thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng.

4. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Duy trì nghiêm chế độ trực ban tác chiến, trực sẵn sàng chiến đấu; tích cực chỉ đạo công tác giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông, an ninh nông thôn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng 9 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm, Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *me*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT, TCKH. *me*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

me
Nguyễn Hữu Nguyên



Biểu số 1
CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP
(Kèm theo báo cáo số AH5 /BC-UBND, ngày 09 tháng 9 năm 2019)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư 9 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư năm 2019/Kế hoạch 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/5
I	Chỉ tiêu kinh tế								
1	Tổng giá trị sản xuất								
*	Theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	4.736,82	7.133,65	5.358,49	7.065,26	113,12	75,12	99,04
	- Nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	470,12	656,15	529,97	610,61	112,73	80,77	93,06
	- Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	2405,25	3.426,36	2.583,47	3.539,00	107,41	75,40	103,29
	- Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	1861,45	3.051,14	2.245,05	2.915,65	120,61	73,58	95,56
*	Theo giá hiện hành	Tỷ đồng	7.379,33	10.546,84	8.410,48	10.756,64	113,97	79,74	101,99
	- Nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	736,53	1.029,50	842,65	1.075,64	114,41	81,85	104,48
	- Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	3847,25	5.511,64	4.185,22	5.756,00	108,78	75,93	104,43
	- Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	2795,55	4.005,70	3.382,62	3.925,00	121,00	84,45	97,99
*	Cơ cấu GTSX theo giá hiện hành	%		100,00		100,00			
	- Nông, lâm, thủy sản	%		9,76		10,00			
	- Công nghiệp, xây dựng	%		52,26		53,51			
	- Thương mại - dịch vụ	%		37,98		36,49			
*	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất	%		13,03		12,94			
	- Nông, lâm, thủy sản	%		4,90		7,15			
	- Công nghiệp, xây dựng	%		6,90		10,41			
	- Thương mại - dịch vụ	%		23,00		17,54			
*	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	3	5	5	5	166,67	100,00	100,00
2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	2476,72	3.800,00	3.158,19	3.813,00	127,51	83,11	100,34
3	Thu NSNN (số liệu 9 tháng tính đến ngày 31/8)	Tỷ đồng	54,586	92,070	74,477	94,568	136,44	80,89	102,71
4	Chi ngân sách địa phương (số liệu 9 tháng tính đến ngày 31/8)	Tỷ đồng	166,262	298,214	173,418	354,123	104,30	58,15	118,75
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (gồm vốn đầu tư NSNN, vốn nhân dân, vốn tín dụng...)	Tỷ đồng	1.194	1.750,00	1.400,00	1.758,00	117,25	80,00	100,46
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm		39,38		39,38			100,00

Biểu số 2

CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

(Kèm theo báo cáo số 445/BC-UBND, ngày 09 tháng 9 năm 2019)



TT	Chi tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư 9 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư năm 2019/Kế hoạch 2019
I	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/5
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
I	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	470,12	656,15	529,97	610,61	112,73	80,77	93,06
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng	460,71	643,03	524,78	587,46	113,91	81,61	91,36
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	336,32	469,41	370,12	475,47	110,05	78,85	101,29
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	110,57	154,33	136,49	90,65	123,44	88,44	58,74
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	13,82	19,29	18,17	21,34	131,48	94,19	110,62
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	6,11	8,53	6,95	18,56	113,75	81,48	217,59
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng	3,29	4,59	3,26	4,59	99,09	70,98	99,93
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	3,03	4,23	3,02	4,22	99,67	71,31	99,65
	- Khai thác	Tỷ đồng	0,26	0,36	0,24	0,37	92,31	66,99	103,28
II	Các ngành sản xuất								
1	Trồng trọt								
	Tổng DTGT	Ha	8.634,00	9.581,00	9.155,00	9.741,00	106,03	95,55	101,67
	Tổng SLLT	Tấn	7.652,00	9.560,90	6.182,71	8.296,80	80,80	64,67	86,78
	Trong đó : Thóc	Tấn	6.792,00	8.624,90	5.866,70	7.980,80	86,38	68,02	92,53
1.1	Cây lương thực	Ha	1.304,00	1.569,00	1.106,00	1.442,00	84,82	70,49	91,91
a)	Lúa cả năm:	Ha	1.132,0	1.374,0	1.040,0	1.376,0	91,87	75,69	100,15
	NS	Tạ/ha	60,0	62,8	56,4	58,0	94,02	89,87	92,40
	SL	Tấn	6.792,00	8.624,90	5.866,70	7.980,80	86,38	68,02	92,53
	Lúa đông xuân	Ha	487	487,00	489,00	489	100,41	100,41	100,41
	NS	Tạ/ha	60	66,00	58,00	58,00	96,67	87,88	87,88
	SL	Tấn	2.922,0	3.214,20	2.836,20	2836,2	97,06	88,24	88,24
	Lúa vụ mùa	Ha	645,0	887,00	551,00	887	85,43	62,12	100,00
	NS	Tạ/ha	60,0	61,00	55,00	58	91,67	90,16	95,08
	SL	Tấn	3.870,0	5.410,70	3.030,50	5144,6	78,31	56,01	95,08
b)	Ngô:	Ha	172,0	195,0	66,00	66,00	38,37	33,85	33,85
	- Năng suất	Tạ/ha	50,0	48,0	47,88	47,88	95,76	99,75	99,75
	- Sản lượng	Tấn	860,0	936,00	316,01	316,00	36,75	33,76	33,76
1.2	Cây tinh bột có củ	Ha	2.200,00	2.380,00	2.550,00	2.800,00	115,91	107,14	117,65
	Sắn cả năm	Ha	2.200,0	2.380,00	2.550,00	2800	115,91	107,14	117,65
	NS	Tạ/ha	250,0	260,00	250,00	260,00	100,00	96,15	100,00
	SL	Tấn	5.500,0	61.880,0	63.750,00	72800	1.159,09	103,02	117,65
1.3	Cây thực phẩm	Ha	1.902,00	1.974,00	1.853,00	1.853,00	97,42	93,87	93,87
a)	Đậu các loại	Ha	54	64,00	43,00	43,00	79,63	67,19	67,19
	NS	Tạ/ha	9	9,00	8,50	8,50	94,44	94,44	94,44
	SL	Tấn	48,6	57,6	36,55	36,55	75,21	63,45	63,45

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư 9 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư năm 2019/Kế hoạch 2019
b)	Rau các loại (có cả tre lấy măng)	Ha	1848	1.910,0	1.810,00	1810	97,94	94,76	94,76
	NS	Tạ/ha	215	217,0	215,00	215,00	100,00	99,08	99,08
	SL	Tấn	39.732,0	41.447,0	38.915,00	38915	97,94	93,89	93,89
1.4	Cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	2.759,00	2.778,00	2.816,00	2.816,00	102,07	101,37	101,37
a)	Lạc	Ha	9	15,00	6,00	6,00	66,67	40,00	40,00
	NS	Tạ/ha	9	10,00	9,00	9,00	100,00	90,00	90,00
	SL	Tấn	8,1	15,00	5,40	5,40	66,67	36,00	36,00
b)	Thuốc lá	Ha	1,0	18,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	NS	Tạ/ha	12,0	19,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	SL	Tấn	1,2	34,20	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b)	Mía tổng số	Ha	2749	2.745,00	2.810,00	2.810,00	102,22	102,37	102,37
	Trồng mới	Ha	474	500,00	565,00	565,00	119,20	113,00	113,00
	Thu hoạch	Ha	2749	2.745,00	2.810,00	2.810,00	102,22	102,37	102,37
	NS	Tạ/ha	620	680,00	600,00	600,00	96,77	88,24	88,24
	SL	Tấn	170438	186.660,0	168.600,00	168.600,00	98,92	90,32	90,32
1.5	Cây HM khác (Ớt cay, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...)	Ha	431	580,0	580,00	580	134,57	100,00	100,00
1.6	Cây ăn quả, cây dược liệu, ...	Ha	38	300,0	250,00	250	657,89	83,33	83,33
2	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu								
-	Đàn trâu	Con	338	490	431,00	450	127,51	87,96	91,84
-	Đàn bò	Con	15190	15.600	13.849,00	14.000	91,17	88,78	89,74
	Tỷ lệ bò lai	%	77	78,00	78,00	78	101,30	100,00	100,00
-	Đàn heo	Con	17963	19.000	11.800,00	14.000	65,69	62,11	73,68
3	Lâm nghiệp								
*	Diện tích giao khoán QLVR	Ha	123,2	133,3	116,54	126,64	94,59	87,42	95,00
*	Tỷ lệ che phủ rừng	%	20,82	21,23	21,20	21,23	101,83	99,86	100,00
*	Khai thác gỗ (rừng trồng)	m3	6500	10.000,0	5.000,00	10.000,00	76,92	50,00	100,00
4	Thủy sản								
a)	Diện tích	Ha	427,5	580,0	520,0	580,0	121,64	89,66	100,00
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	75	100	40,00	100	53,33	40,00	100,00
	- Diện tích khai thác	Ha	352,5	480	480,00	480	136,17	100,00	100,00
b)	Sản lượng	Tấn	127,50	171,00	68,00	171,00	53,33	39,77	100,00
	- Sản lượng khai thác	Tấn	7,5	11,00	3,00	11	40,00	27,27	100,00
	- Sản lượng nuôi trồng	Tấn	120	160,00	65,00	160	54,17	40,63	100,00
5	Phát triển nông thôn								
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,35	99,3	100	100			
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	Xã	3	5	5,00	5	166,67	100,00	100,00
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	60	100	100	100			
B	CÔNG NGHIỆP								
1	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	2.030,38	2.810,08	1.827,34	2.924,00	90,00	65,03	104,05

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư 9 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư năm 2019/Kế hoạch 2019
2	Một số sản phẩm chủ yếu:								
	- Gỗ ván MDF	m3	47579,75	47.000	38.351,33	47.000	80,60	81,60	100,00
	- Đường tỉnh	Tấn	196817	230.000	112.645,00	230.000	57,23	48,98	100,00
	- Đá xây dựng	Tấn	58990	75.000	56.870,00	75.000	96,41	75,83	100,00
	- Gạch các loại	Tr.viên	11,52	20	7,41	7,48	64,32	37,05	37,40
	- Tinh bột sắn	Tấn	19658,03	38.000	30.607,63	38.000	155,70	80,55	100,00
	- Nước sinh hoạt	1000 m3	645,69	1.660	970,00	1.500	150,23	58,43	90,36
	- Điện thương phẩm	Tr.kwh	57,21	78	58,06	78,08	101,49	74,44	100,10
	- Điện sản xuất	Tr.kwh	84,25	112	40,35	80,702	47,89	36,03	72,06
C	DỊCH VỤ								
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	2.476,72	3.800,00	3.158,19	3.813,00	127,51	83,11	100,34
2	Bưu chính viễn thông								
	- Doanh thu	Tỷ đồng	69,5	115,50	88,00	110	126,62	76,19	95,24
3	Giao thông vận tải								
	- Khối lượng vận chuyển hàng hoá	1.000 Tấn	1.050	1.568	1.189,84	1.523	113,32	75,88	97,13
	- Khối lượng luân chuyển hàng hoá	1000tấn.Km	143.550	214.816	160.682,58	205.367	111,93	74,80	95,60
	- Khối lượng vận chuyển hành khách	1.000 HK	705	1.075	819,09	1.041	116,18	76,19	96,84
	- Khối lượng luân chuyển hành khách	1000 HK.Km	115.850	176.325	136.498,16	173.259	117,82	77,41	98,26
	- Doanh thu	Tỷ đồng	35,52	62,25	45,11	58	127,00	72,47	93,17



Biểu số 3
CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI
(Kèm theo báo cáo số 445/BC-UBND, ngày 09 tháng 9 năm 2019)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư 9 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư năm 2019/Kế hoạch 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/5
I	DÂN SỐ								
1	Dân số trung bình	Người	68.048	69.234	69.011	69234		100,00	
2	Tỷ lệ tăng dân số	%		1,10		1,10			
3	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%		1,00		1,00			
4	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰		0,02		0,02			
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM								
1	Tổng số lao động đang làm việc	Người		42.752		42.752	98,24	100,00	
2	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người		1.100		1.100	61,27	100,00	
3	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người		0					
4	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%		33,48		33,48			
III	GIẢM NGHÈO								
1	Tổng số hộ của thị xã	Hộ	16.624	16.819	16.819	16819		100,00	
2	Số hộ nghèo	Hộ		311		311		100,00	
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%		1,87		1,87			
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%		0,28		0,28			
5	Số hộ cận nghèo	Hộ		395		395		100,00	
6	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%		2,4		2,4			
7	Số hộ thoát nghèo	Hộ		46		46		100,00	
8	Số hộ tái nghèo	Hộ		0		0			
IV	CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU								
1	Tổng số xã của thị xã	Xã	5	5	5	5	100,00	100,00	
	Trong đó:								
	+ Số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã	0	0	0	0			
	+ Số xã biên giới (nếu có)	Xã	0	0	0	0			
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	5	5	5	5	100,00	100,00	
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%	100	100	100	100			
	+ Số xã có trạm y tế	Xã	5	5	5	5	100,00	100,00	
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100	100			
	+ Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	Xã, phường	11	11	11	11	100,00	100,00	
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã	4	4	4	4	100,00	100,00	
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%	80	80	80	80			
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	xã	5	5	5	5	100,00	100,00	
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%	100	100	100	100			
2	- Số hộ được sử dụng điện	Hộ	16.619	16.819	16.814	16.819	0,00	100,00	
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,97	100	99,97	100			
V	Y TẾ - XÃ HỘI								
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%		85	78,41	85			
2	Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người		4.150	3.833	4.200	92,36	101,20	
3	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	120 giường	17,33	120 giường	17,33			
4	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	40 bác sỹ	6,07	45 bác sỹ	6,50			
5	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	45,45	45,45	54,55	54,55			
6	Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo tiêu chuẩn hiện hành)	%	90,91	100	100	100			
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	9,71	9,66	9,45	9,45			
8	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường	11	11	11	11			
9	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100	100	100	100			
VI	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO								
1	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	18.511	18.674	18.447	18.615	99,65	98,78	99,68
	+ Mẫu giáo	Học sinh	3.273	3.424	3.150	3.285	96,24	92,00	95,94
	+ Tiểu học	Học sinh	6.618	6.520	6.777	6.722	101,29	103,94	103,10

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư' 9 tháng 2019	Ư' năm 2019	Ư' 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư' 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư' năm 2019/Kế hoạch 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/5
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	5.126	5.230	5.040	5.136	98,32	96,37	98,20
	+ Trung học phổ thông	Học sinh	3.421	3.500	3.480	3.472	101,72	99,43	99,20
2	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	90	92	92	92			
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%	96	99,8	97,6	97,6			
	+ Tiểu học	%	97	100	99,8	99,8			
	+ Trung học cơ sở	%	95	100	95,3	95,3			
	+ Trung học phổ thông	%	99,5	99,6	93,1	99,6			
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	60,71	92,86	85,71	89,29			
	Số trường được công nhận mới trong năm	Trường	1	2	0	1	0,00	50,00	
VII	VĂN HOÁ								
1	- Số xã, phường có nhà văn hoá được xây dựng riêng	Xã, phường	0	11	0	0			



Biểu số 4
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(Kèm theo báo cáo số 445 /BC-UBND, ngày 09 tháng 9 năm 2019)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư 9 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư năm 2019/Kế hoạch 2019
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/5
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	80	93,5	93,88	94			
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (*)	%		50	50	50			
3	Số khu công nghiệp, cụm công nghiệp khu chế xuất đang hoạt động	Khu	1	1	1	1			
4	Số khu công nghiệp, cụm công nghiệp khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu		1	0	0			
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	0	0	0	0			
6	Tỷ lệ che phủ rừng	%	20,82	21,23	21,20	21,23			
7	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,35	99,30	100	100			
8	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%	80,00	100,00	100	100			
9	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	80,00	85,00	84,2	84,5			

Ghi chú: () Giai đoạn 2011-2015 thực hiện theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg; giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ*



Biểu số 5

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo báo cáo số 445 /BC-UBND, ngày 09 tháng 01 năm 2019)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9 tháng 2018	Năm 2019			So sánh (%)		
				Kế hoạch 2019	Ư 9 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư 9 tháng 2019/9 tháng 2018	Ư 9 tháng 2019/Kế hoạch 2019	Ư năm 2019/Kế hoạch 2019
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=6/4</i>	<i>9=6/5</i>	<i>10=7/5</i>
A	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ								
I	Hợp tác xã								
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	10	12	9	11	90,00	75,00	91,67
	Trong đó:								
-	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	0	2	0	1			
-	Số hợp tác xã giải thể	HTX	0	0	0	0			
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	2.529	2.589	2.197	2.217	86,87	84,86	85,63
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người	299	239	197	205	65,89	82,43	85,77
	Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người	299	204	197	205	65,89	96,57	100,49
II	Liên hiệp hợp tác xã		0	0	0	0			
-	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LHHTX	0	0	0	0			
III	Tổ hợp tác								
1	Tổng số tổ hợp tác đăng ký chứng thực	THT	0	3	1	2		33,33	66,67
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	0	20	15	25		75,00	125,00